

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 9 - 2021

V/v: Ly hôn, nuôi con chung, trả nợ chung

NHÂN DANH
NÓC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Luân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Sinh

2. Bà Nông Thị Giáp

- Thư ký phiên tòa: Ông Ma Văn Chung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Triệu Kim Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Thụ lý số: 19/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13/9/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Thanh H, sinh năm 1971 (có mặt).

2. Bị đơn: Lường Thị T, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Đều trú tại: tổ nhân dân N1, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Ngân hàng NN Việt Nam

Địa chỉ: số 2, Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Chi nhánh Ngân hàng NN huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Xuân L - phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng NN huyện N, tỉnh Bắc Kạn. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 3 năm 2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phạm Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị Lường Thị T kết hôn vào năm 2010, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 22/7/2010. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Lường Thị T chơi bời, không chịu khó làm ăn. Việc chị T chơi bời đã được anh H khuyên nhủ nhiều lần nhưng chị T không thay đổi, đến tháng 5 năm 2017 thì chị T bỏ đi từ đó đến nay, anh H không biết hiện nay chị T đang làm gì và ở đâu. Anh H chỉ nắm được thông tin là vào dịp tết nguyên đán hàng năm chị T có về ăn tết cùng bố mẹ của chị T là ông Lường Xuân Đ và bà Đặng Thị H ở xóm K, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, sau tết chị T lại bỏ đi. Nhiều lần anh H có hỏi gia đình chị T về việc hiện nay chị T đang làm gì và ở đâu nhưng gia đình chị T không cung cấp cho anh H. Từ khi chị T bỏ đi thì hai vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn với chị Lường Thị T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 (Một) con chung tên là Phạm Bảo Long, sinh ngày 08/9/2012, con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện nay con chung đang sống cùng anh H. Ly hôn anh H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung đến năm đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tôi không nợ ai và không cho ai nợ.

* Quá trình tố tụng, bị đơn chị Lường Thị T đã được Tòa án tổng đạt và niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo thụ lý đơn yêu cầu độc lập, thông báo quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ, thông báo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ; triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 25/8/2021, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị T không đến Tòa án làm việc, không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người tham gia tố tụng, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 19/7/2021 Tòa án đã tiến hành lập biên bản làm việc (có xác nhận của chính quyền địa phương) về việc chị T có gọi điện về nhà thông qua ZALO có sự chứng kiến của bố đẻ chị T ông Lường Trung Đ, mẹ đẻ chị T bà Đặng Thị H, em gái ruột của chị T chị Lường Thị C, cháu chị T (chị Lường Thị Thủy) cùng có sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn B - Công an viên xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên qua trao đổi chị T nêu quan điểm:

- Về tình cảm: Nhất trí ly hôn với anh H
- Về con: Nhất trí để con cho anh H nuôi, đề nghị Tòa án cho chị được đi lại thăm nom con chung
- Về tài sản: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ: Chị T xác nhận số tiền hiện còn nợ của Ngân hàng NN huyện N, tỉnh Bắc Kạn là số nợ chung của vợ chồng anh H, chị T. Do chị T không ở nhà và không có tiền để trả nên nhất trí để Ngân hàng phát mại tài sản mà chị và anh H đã thế chấp tại Ngân hàng.

* Trong đơn yêu cầu khởi kiện độc lập, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa Người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Ngân hàng NN Việt Nam - Chi nhánh huyện N, tỉnh Bắc Kạn (gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:

Ngày 27/09/2016, Agribank Chi nhánh huyện N, Bắc Kạn và chị Lương Thị T đã ký Hợp đồng tín dụng số 8603-LAV-201600940/HĐTD: Theo đó Agribank Chi nhánh huyện N Bắc Kạn đã chấp thuận cho chị Lương Thị T vay vốn với hạn mức tín dụng được cấp: 300.000.000 đồng (bà T là người vay, ông H là người thừa kế). Chi tiết các giấy nhận nợ như sau:

+ Giấy nhận nợ ngày 27/09/2016 số tiền giải ngân là: 100.000.000 đồng; hạn trả: 27/09/2017 đã được gia hạn đến ngày 29/09/2018; mục đích sử dụng tiền vay: Chăn nuôi lợn nái; lãi suất tại thời điểm giải ngân 7%/năm, lãi suất quá hạn là: 130% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Dư nợ gốc + lãi tạm tính đến ngày 31/05/2021 là: 131.134.766 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 100.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 6.601.388 đồng; Nợ lãi quá hạn: 24.533.378 đồng.

+ Giấy nhận nợ ngày 05/10/2016 số tiền giải ngân là: 150.000.000 đồng; hạn trả: 05/10/2017 đã được gia hạn đến ngày 05/10/2018; mục đích sử dụng tiền vay: Chăn nuôi lợn nái; lãi suất tại thời điểm giải ngân 7%/năm, lãi suất quá hạn là: 130% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Dư nợ gốc+ lãi tạm tính đến ngày 31/05/2021 là: 197.828.820 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 150.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 11.027.917 đồng; Nợ lãi quá hạn: 36.800.903 đồng.

Khoản vay có tài sản bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp tài sản cụ thể:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy CNQSDĐ số BS 056263 do UBND huyện N cấp ngày 09/08/2016; diện tích 3.100,1m² (Đất ở tại nông thôn, đất trồng cây hàng năm khác); tại thửa đất số 166; tờ bản đồ số 60; Địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ký giữa Agribank Chi nhánh huyện N Bắc Kạn và chị Lương Thị T ngày 19/09/2016 đã được UBND Thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn chứng thực ngày 20/09/2016.

Tính đến ngày 31/05/2021, tổng số tiền giải ngân cho chị Lương Thị T là 250.000.000 đồng; tổng số tiền đã thu nợ đối với các khoản vay của chị Lương Thị T là 22.973.610 đồng (trong đó: Thu gốc 0 đồng, thu lãi 22.973.610 đồng); Tổng dư nợ của chị Lương Thị T tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) tại Agribank Chi nhánh huyện N Bắc Kạn là: 328.963.586 đồng

(Bằng chữ: Ba trăm hai mươi tám triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm tám mươi sáu đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 250.000.000 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 17.629.305 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 61.334.281 đồng

Agribank Chi nhánh huyện N, Bắc Kạn đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu gia đình bà Lương Thị T thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các Hợp đồng tín dụng số 8603- LAV-201600940/HĐTD ngày 27/09/2016; Tuy nhiên, bà Lương Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ (gốc+lãi) theo Hợp đồng đã ký kết với Agribank; cô tình không hợp tác, không phối hợp xử lý các tài sản bảo đảm vi phạm nghĩa vụ đã ký kết với Agribank Chi nhánh huyện N Bắc Kạn, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Agribank, gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý, thu hồi nợ của Agribank

Nên Ngân hàng có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu: Anh H và chị T ly hôn thì chị T và anh H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền: 328.963.586 đồng (Tính đến ngày 31/05/2021) (Ba trăm hai mươi tám triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm tám mươi sáu đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 250.000.000 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 17.629.305 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 61.334.281 đồng.

Tại biên bản xác minh ngày 23/8/2021: Ông Lý Văn H1 - trưởng thôn tổ nhân dân N, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn cho biết anh nhận chức trưởng thôn từ năm 2019 đến nay, hộ gia đình anh H sinh sống, làm ăn trong tổ nhân dân N. Từ khi anh nhận chức trưởng thôn chỉ thấy anh H cùng con trai lớn(Sơn), con dâu, hai cháu (con anh Sơn) và con trai bé (Long) sinh sống với nhau và anh H một mình nuôi con không thấy vợ anh H là chị T ở nhà.

Gia đình nhà anh H1 cách nhà anh H tầm 40m trước đây khi chưa làm trưởng thôn anh H1 cũng thấy vợ chồng nhà anh H hay cãi chửi nhau tuy nhiên vợ chồng anh H có nhờ chính quyền địa phương can thiệp không thì anh H1 không rõ.

Tại biên bản xác minh ngày 23/8/2021: Chị Nông Thị T1 - Bí thư Chi bộ thôn cho biết chị giữ chức vụ Chi bộ thôn từ năm 2017 đến nay. Vợ chồng anh H, chị T sinh sống và làm ăn trên địa bàn thôn và chị có nắm được qua hàng xóm của anh H, chị T là vợ chồng anh H, chị T cũng hay khúc mắc, cãi chửi nhau thường xuyên, có lúc vì cãi chửi nhau mà chị T còn bỏ về ngoại ở Đ, tỉnh Thái Nguyên ở. Tuy nhiên vợ chồng anh H, chị T không nhờ chính quyền, tổ dân phố can thiệp.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng anh H nhất trí trả nợ và yêu cầu mỗi người phải có trách nhiệm thanh toán $\frac{1}{2}$ khoản nợ đối với Ngân hàng. Do không có tiền để trả cho Ngân hàng nên anh H nhất trí để Ngân hàng phát mại tài sản.

- Ngân hàng yêu cầu anh H, chị T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền vay tính đến ngày xét xử (29/9/2021) là: 326.745.188,đ trong đó gốc là 250.000.000, đồng, tiền lãi là 76.745.188, đ, trong đó lãi trong hạn 11.027.917, đồng và lãi quá hạn là 65.717.271, đồng

Trong trường hợp anh H và chị T không trả được nợ gốc và lãi thì đến khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng có quyền đề nghị phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ theo quy định.

Do kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện thực tế hiện nay không có: Nhà và chuồng trại nên Ngân hàng không yêu cầu phát mại tài sản này nữa, ngân hàng tự nguyện rút phần yêu cầu này.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình tố tụng, xây dựng hồ sơ và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã đảm bảo đúng quy định. Bị đơn chị Lương Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39 BLTTDS; Điều 122, 342, 355, 471, 474, 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; Các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, án lệ 08/2016 đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của anh Phạm Thanh H, cho anh H được ly hôn chị T. Về con chung đề nghị HĐXX giao cháu Phạm Bảo L, sinh ngày 08/9/2012 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, về tài sản chung chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng: Buộc anh Phạm Thanh H và chị Lương Thị T phải trả toàn bộ số dư nợ gốc 250.000.000,đ và lãi phát sinh tại thời điểm mở phiên tòa. Trường hợp không thanh toán thì ngân hàng được quyền phát mại tài sản theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Về án phí: Các đương sự phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, trả nợ chung bị đơn (chị T) có hộ khẩu thường trú tại thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Bị đơn chị Lường Thị T đã được Tòa án tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo thụ lý đơn yêu cầu độc lập, thông báo quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ, thông báo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ; triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 25/8/2021, thông báo quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Tại biên bản xác minh ngày 30/3/2021 anh Lường Trung Th là anh trai ruột của chị T khẳng định chị T bỏ vào miền Nam làm ăn nhưng hiện nay không biết địa chỉ cụ thể và chị T vẫn vẫn hay liên lạc bằng điện thoại để hỏi thăm mọi người trong gia đình, anh Th cam kết trong quá trình giải quyết án sẽ thông báo cho chị T biết các văn bản của Tòa án. Tại biên bản làm việc ngày 19/7/2021 chị Lường Thị C là em gái ruột của chị T cho biết chị T đi làm ăn xa ở tỉnh B tuy nhiên không biết địa chỉ chính xác ở đâu, chị T vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình, gia đình và chị C có biết việc anh H có đơn xin ly hôn với chị T và đã trực tiếp liên lạc qua zalo cho chị T và chị T nhất trí ly hôn. Chị T đã được thông báo các văn bản quan người nhà (anh trai Lường Trung Th, em gái Lường Thị C, bố đẻ Lường Trung Đ) và yêu cầu chị T cung cấp địa chỉ cụ thể nơi ở hiện nay. Tuy nhiên, chị T cũng như người nhà không cung cấp địa chỉ nơi đang làm việc. Do đó, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Anh H và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn ngày 22/7/2010. Do vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng anh H, chị T xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Tháng 5 năm 2017 chị T tự bỏ nhà đi cho đến nay; Tết nhất chị T có về thăm bố mẹ của chị T là ông Lường Xuân Đ và bà Đặng Thị H ở xóm K, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên . Nhiều lần anh H có hỏi gia đình chị T về việc hiện nay chị T đang làm gì và ở đâu nhưng gia đình chị T không cung cấp địa chỉ cho anh H chỉ bảo là chị T đi công ty nhưng không biết ở đâu. Chị T không quan tâm, chăm sóc gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, thực tế anh H và chị T đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Xét thấy, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H được ly hôn với chị T.

[3] Về con chung: Anh H, chị T có 01 con chung tên là Phạm Bảo L, sinh ngày 08/9/2012, con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện nay con chung đang sống cùng anh H. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh H đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. HĐXX xét thấy, chị T đã bỏ đi khỏi địa phương, cố tình giấu địa chỉ, mặt khác con chung Phạm Bảo L có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ không ở với nhau, do vậy để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, thấy rằng yêu cầu của anh H phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Anh H không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xem xét về nợ chung và yêu cầu độc lập của Ngân hàng NN Việt Nam - chi nhánh huyện N:

[5.1] Về hợp đồng tín dụng: Chị Lường Thị T đã ký Hợp đồng tín dụng số 8603-LAV-201600940/HĐTD với Agribank Chi nhánh huyện N, tỉnh Bắc Kạn ngày 27/9/2016. Theo đó Agribank Chi nhánh huyện N Bắc Kạn đã chấp thuận cho chị Lường Thị T vay vốn với hạn mức tín dụng được cấp: 300.000.000 đồng (chị T là người vay, anh H là người thừa kế). Hợp đồng được ký kết đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Chi tiết các giấy nhận nợ như sau:

+ Giấy nhận nợ ngày 27/09/2016 số tiền giải ngân là: 100.000.000 đồng; hạn trả: 27/09/2017 đã được gia hạn đến ngày 29/09/2018; mục đích sử dụng tiền vay: Chăn nuôi lợn nái; lãi suất tại thời điểm giải ngân 7%/năm, lãi suất quá hạn là: 130% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Dư nợ gốc + lãi tạm tính đến ngày 31/05/2021 là: 131.134.766 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 100.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 6.601.388 đồng; Nợ lãi quá hạn: 24.533.378 đồng.

+ Giấy nhận nợ ngày 05/10/2016 số tiền giải ngân là: 150.000.000 đồng; hạn trả: 05/10/2017 đã được gia hạn đến ngày 05/10/2018; mục đích sử dụng tiền vay: Chăn nuôi lợn nái; lãi suất tại thời điểm giải ngân 7%/năm, lãi suất quá hạn là: 130% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Dư nợ gốc + lãi tạm tính đến ngày 31/05/2021 là: 197.828.820 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 150.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 11.027.917 đồng; Nợ lãi quá hạn: 36.800.903 đồng.

Tính đến ngày 31/5/2021, tổng số tiền giải ngân cho chị Lường Thị T là 250.000.000,đ

Quá trình thanh toán khoản nợ: Từ khi vay đến ngày 29/9/2021 tổng số tiền đã thu nợ đối với các khoản vay của chị Lường Thị T là 22.973.610 đồng (trong đó: Thu gốc 0 đồng, thu lãi 22.973.610 đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H, chị T đều khẳng định số tiền vay của Ngân hàng NN là nợ chung của hai vợ chồng anh H, chị T. Anh H xác nhận chị T là người trực tiếp ký kết hợp đồng với Ngân hàng và anh là người thừa kế và cũng được ký trong hợp đồng tín dụng. Việc ký kết là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Hợp đồng vay đã hết hạn, chị T, anh H đã vi phạm hợp đồng, do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh H, chị T phải trả toàn bộ số tiền còn nợ cho Ngân hàng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, cần chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng, buộc chị T, anh H phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền gốc và lãi suất còn nợ cho Ngân hàng, cụ thể:

Thời điểm khởi kiện thì Ngân hàng chốt số tiền tính đến ngày 31/05/2021 chị T và anh H còn nợ Ngân hàng số tiền cả gốc và lãi là: 328.963.586 đồng (Ba trăm hai mươi tám triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm tám mươi sáu đồng), trong đó: Nợ gốc: 250.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 17.629.305 đồng, nợ lãi quá hạn: 61.334.281 đồng;

Đến thời điểm tại phiên tòa Ngân hàng yêu cầu anh Phạm Thanh H và chị Lường Thị T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử (ngày 29/9/2021) tổng số tiền là 326.745.188,đ trong đó gốc là 250.000.000, đồng, tiền lãi là 76.745.188, đ, trong đó lãi trong hạn 11.027.917, đồng và lãi quá hạn là 65.717.271, đồng và các khoản nợ lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh cho đến khi chị T, anh H thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ đã ký kết với Ngân hàng.

[5.2] Về hợp đồng thế chấp:

Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 8603-LCL-201600453/HĐTC ngày 19/9/2016; tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của chị Lường Thị T và anh Phạm Thanh H đã được thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý công chứng và đăng ký giao dịch đảm theo quy định. Theo hợp đồng trên thì chị T và anh H đã thế chấp các tài sản gồm:

+ Quyền sử dụng đất số BS056263, số vào sổ CH00541 do Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn cấp ngày 09/8/2016 cho bà Lường Thị T và ông Phạm Thanh H, diện tích 3.110,1m² (Đất ở tại nông thôn 300m², đất trồng cây hàng năm khác 2.810,1m²); tại thửa đất số 166; tờ bản đồ số 60; Địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

+ Tài sản gắn liền với đất: Nhà cấp 4, tổng diện tích sử dụng 99m², diện tích xây dựng 99m², kết cấu nhà sắt thép; công trình xây dựng: Chuồng trại diện tích xây dựng 800m², kết cấu sắt thép.

Quá trình giải quyết vụ án, kết quả xem xét thẩm định tại chỗ hiện nay về diện tích thửa đất thế chấp là 2.831,3 m² trong đó (Đất ở tại nông thôn 300m², đất trồng cây hàng năm khác 2.531,3m²) và hiện nay không có nhà cấp 4, chuồng trại. Trên đất có 06 nền xi măng trước đây dựng chuồng nuôi lợn và 01 nền xi măng trước đây dựng nhà, có 01 giếng khoan, 01 bể biôga, 06 cây xoan, 60 cây chuối, 35 cây keo, 02 cây xoài, 01 cây đu đủ, 01 cây long nhãn, 01 ao cá (những tài sản trên đất các đương sự thống nhất hiện không có giá trị và không có yêu cầu gì).

Tại phiên tòa Ngân hàng trình bày ý kiến: Trong trường hợp anh H và chị T không trả được nợ gốc và lãi thì đến khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng có quyền đề nghị phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất đất số BS056263, số vào sổ CH00541 do Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn cấp ngày 09/8/2016 cho chị Lường Thị T và anh Phạm Thanh H, diện tích 2.831,3 m² theo biên bản xem xét thẩm định trong đó (Đất ở tại nông thôn 300m², đất trồng cây hàng năm khác 2.531,3m²; tại thửa đất số 166; tờ bản đồ số 60; Địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn đảm bảo để thu

hồi nợ theo quy định và ngân hàng tự nguyện rút phần yêu cầu phát mại tài sản là Nhà và chuồng trại. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu này của Ngân hàng là tự nguyện, do đó hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244/BLTTDS đình chỉ yêu cầu này của Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án, anh H và chị T đều nhất trí với yêu cầu của Ngân hàng về việc phát mại tài sản là quyền sử dụng đất thửa đất số 166; tờ bản đồ số 60; Địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị T, anh H.

Ngày 25/8/2021 Tòa án tiến hành làm việc với cơ quan chuyên môn là Phòng Tài nguyên và môi trường huyện N. Cơ quan chuyên môn khẳng định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất số BS056263, sổ vào sổ CH00541 do Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn cấp ngày 09/8/2016 cho bà Lương Thị T và ông Phạm Thanh H là cấp cho cá nhân anh Phạm Thanh H và chị Lương Thị T.

Tại đơn trình bày ngày 24/8/2021 anh Phạm Ngọc S (con anh H với vợ cả - đã ly hôn) trình bày: Tài sản bố và bà T thế chấp ở Ngân hàng là tài sản của bố và bà T anh S không liên quan.

Đối chiếu với tài liệu, chứng cứ trên khẳng định tài sản này là tài sản chung của vợ chồng anh H, chị T và anh H, chị T có quyền tự định đoạt khối tài sản này của mình.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 8603-LCL-201600453/HĐTC ngày 19/9/2016 được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật, do vậy hợp đồng này hợp pháp và có hiệu lực thi hành. Vậy, hết thời hạn trả nợ anh H, chị T không trả được nợ thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mại tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất của chị T, anh H để thu hồi nợ là có căn cứ, cần chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng.

[6] Đối với nghĩa vụ chậm thi hành án tiền vay do tổ chức tín dụng cho vay, áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao để tính tiền lãi chậm trả

[7] Về khoản tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ hết số tiền là 4.100.000,đ Ngân hàng tự nguyện chịu, xác nhận Ngân hàng đã nộp đủ số tiền này.

[8] Về án phí: Anh Phạm Thanh H phải chịu tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Do yêu cầu độc lập của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được chấp nhận nên các anh H, chị T phải chịu án phí dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 147; 157; khoản 4 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, 342, 355, 471, 474, 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 56, 58, 60, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Án lệ số 08/2016/AL.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, nuôi con chung của anh Phạm Thanh H đối với chị Lương Thị T

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Thanh H được ly hôn với chị Lương Thị T

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Bảo L, sinh ngày 08/9/2012 cho anh Phạm Thanh H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh H không đặt ra vấn đề đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về Nợ chung:

* Đình chỉ phân yêu cầu xử lý đối với một phần hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 8603 -LCL-201600453/HĐTC ký giữa Agribank Chi nhánh huyện N Bắc Kạn và bà Lương Thị T, anh Phạm Thanh H ngày 19/09/2016(phân xử lý đối với nhà và chuồng trại).

* Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam

- Buộc anh Phạm Thanh H và chị Lương Thị T phải trả toàn bộ nợ gốc, lãi và lãi quá hạn cho Ngân hàng NN Việt Nam (qua Agribank Chi nhánh huyện N, tỉnh Bắc Kạn) theo hợp đồng tín dụng số: 8603-LAV-201600940/HĐTD, ngày 27/9/2016 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2021) với tổng số tiền là: 326.745.188,đ trong đó gốc là 250.000.000, đồng, tiền lãi là 76.745.188, đ,(trong đó lãi trong hạn 11.027.917, đồng và lãi quá hạn là 65.717.271) đồng, cụ thể:

+ Anh Phạm Thanh H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam ½ số tiền nợ tương đương số tiền 163.372.594, đồng.

+ Chị Lương Thị T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam ½ số tiền nợ tương đương số tiền 163.372.594, đồng

Về nghĩa vụ chậm trả: “*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay pH tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay*”.

- Trường hợp anh Phạm Thanh H và chị Lương Thị T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp của anh H, chị T là: Quyền sử dụng đất số BS056263 do UBND huyện N cấp ngày 09/8/2016, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH00541, diện tích 2831,3m² (trong đó đất ở nông thôn 300m², đất trồng cây hàng năm khác 2531,3m²; Thửa đất số 166, tờ bản đồ số 60, địa chỉ thửa đất thôn Bản Đàng, xã Kim Lư, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp nêu trên sẽ được thanh toán toàn bộ khoản nợ trong hợp đồng tín dụng nêu trên, nếu dư, Ngân hàng trả lại cho bên thế chấp, nếu thiếu bên vay tiếp tục trả cho Ngân hàng số tiền còn thiếu

(Có sơ đồ kèm theo)

5. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, Anh Phạm Thanh H phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000^d tạm ứng án phí anh H đã nộp theo biên lai số 06987, ngày 23/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Buộc anh Phạm Thanh H và chị Lương Thị T pH chịu 16.337.259,đ án phí dân sự sơ thẩm cụ thể:

- Anh H phải chịu 8.168.629,5đ án phí dân sự sơ thẩm
- Chị T phải chịu 8.168.629,5đ án phí dân sự sơ thẩm.

Tuy nhiên, Ngân hàng tự nguyện nhận chịu số tiền 8.224.000,đ đã nộp theo biên lai số 07020, ngày 14/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Xác nhận ngân hàng đã nộp số tiền này.

Số tiền án phí dân sự sơ thẩm anh H, chị T còn phải chịu là: 8.113.259,đ cụ thể

- Anh H phải chịu 4.056.629,5, đ án phí dân sự sơ thẩm
- Chị T phải chịu 4.056.629,5,đ án phí dân sự sơ thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự."

6. Về chi phí tố tụng khác: Ngân hàng NN Việt Nam tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, trích lục hồ sơ với số tiền 4.100.000 (bốn triệu một trăm nghìn) đồng, xác nhận Ngân hàng đã nộp đủ số tiền này.

7. Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- Các đương sự (03b);
- VKSND huyện (02b);
- TAND tỉnh (01b);
- THA Dân sự huyện (01b);
- UBND xã Cường Lợi (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu TA (01b).

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lý Thị Luân

-